TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 518/2024/DS - PT.
Ngày: 20,21/08/2024
V/v tranh chấp: Hợp đồng xây dựng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa ***: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.***

Các Thẩm phán ***:Bà Bùi Thị Thu Hồng***

Bà Ngô Tuyết Băng

Thư ký ghi biên bản phiên toà ***:Bà Nguyễn Thị Thu Hương***

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội *: Bà Trịnh Thu Tân – KSV*

Ngày 20, 21 tháng 08 năm 2024 , tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Nội, xét xử công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số 93/DSPT ngày 08/03/2024 về Tranh chấp Hợp đồng xây dựng.

Do Bản án Dân sự sơ thẩm số 163/2023/DS – ST ngày 07/09/2023 của Toà án nhân dân Quận Đống Đa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 355/QĐXX-DSPT ngày 26/07/2024, Quyết định hoãn phiên toà số 461/2024/QĐPT ngày 12/08/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: *Ông Chu Văn O* – sinh năm 1940;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông O: chị Chu Quỳnh Trang – sinh năm 1976,

Trú tại: số 142 Đê La Thành, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Trung Sơn – Luật sư Công ty luật hợp danh Niềm Tin Việt – Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

Bị đơn: *Ông Nguyễn Danh H* – sinh năm 1968,

Hộ khẩu thường trú: 69 Trần Quang Diệu, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội; Nơi cư trú: Phòng 1712 chung cư GP invest, số 170 Đê La Thành, phường Ô Chợ Dừa, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H:chị Nguyễn Minh Trang – sinh năm 1996

Trú tại : thôn Yên Ngưu, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Chị Chu Quỳnh Trang, chị Nguyễn Minh Trang, luật sư Ông Lê Trung Sơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2022 và các lời khai tiếp theo tại Tòa, nguyên đơn – ông Chu Văn O do chị Chu Quỳnh Trang trình bày*:

Ngày 11/8/2020, ông Chu Văn O và ông Nguyễn Danh H đã tiến hành ký kết 02 bản Hợp đồng kinh tế có nội dung ông H nhận thi công trọn gói công trình xây nhà mới theo phương thức chìa khoá trao tay, bao gồm các chi phí tiền nhân công, toàn bộ vật liệu xây dựng, các trang thiết bị hoàn thiện, điện, nước theo bản vẽ thiết kế.

Tổng giá trị tạm tính của hợp đồng là 3.600.000.000 đồng. Khi ký hợp đồng, phía bên bị đơn không xuất trình hồ sơ, tài liệu gì như giấy tờ về đăng ký kinh dO để chứng minh năng lực trong việc thực hiện thi công xây dựng nhà ở.

Để thực hiện hợp đồng, ông H yêu cầu ông O phải đặt cọc số tiền 1.200.000.000 đồng.

Ngày 17/8/2020, tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành - Phòng giao dịch Ô Chợ Dừa, ông O đã chuyển vào tài khoản của ông H số tiền 1.200.000.000 đồng.

Sau khi ông H nhận tiền thì chỉ đưa cho ông O bản photocopy bản vẽ hồ sơ xin phép xây dựng căn nhà nhưng không đúng với diện tích đất thực tế. Ngoài ra, ông H không tiến hành làm việc gì khác theo thoả thuận tại hợp đồng.

Ngày 17/8/2020, ông H đã được ông O bàn giao các giấy tờ sau để tiến hành thủ tục xin giấy phép xây dựng gồm các bản sao: Giấy CMND và sổ hộ khẩu của ông O, sổ đỏ (mỗi loại là 04 bản sao y bản chính). Tuy nhiên ông H không tiến hành thủ tục xin giấy phép xây dựng như thoả thuận giữa hai bên.

Do phía bị đơn không thực hiện theo cam kết nên phía nguyên đơn yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng và yêu cầu ông H phải trả lại cho ông O số tiền 1.200.000.000 đồng.

** Bị đơn - ông Nguyễn Danh H do chị Nguyễn Minh Trang đại diện theo uỷ quyền trình bày*:

Bị đơn xác nhận toàn bộ nội dung hợp đồng và quá trình thực hiện hợp đồng, giao nhận tiền, giấy tờ và các vấn đề khác như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do bị đơn xác định lỗi của việc không thực hiện được hợp đồng hoàn toàn do phía nguyên đơn không bàn giao được mặt bằng thi công.

Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết việc gì khác.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn trình bày : yêu cầu huỷ bỏ 02 bản hợp đồng có tiêu đề "hợp đồng kinh tế" do ông O và ông H ký ngày 11/8/2020 và buộc ông Nguyễn Danh H phải hoàn trả cho ông Chu Văn O số tiền 1.200.000.000 đồng. Tuy nhiên, phía nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền 100.000.000 đồng. Sau khi trừ đi số tiền nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền 1.100.000.000 đồng. Nguyên đơn không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới và không đồng ý với đề nghị thanh toán 600.000.000 đồng của bị đơn.

Bị đơn trình bày: Giữ nguyên các ý kiến đã trình bày và đề nghị nếu nguyên đơn đồng ý thì bị đơn sẽ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 600.000.000 đồng để nguyên đơn rút đơn chấm dứt vụ kiện.

Bản án Dân sự sơ thẩm số 163/2023/DS – ST ngày 07/09/2023 của Toà án nhân dân Quận Đống Đa đã quyết định như sau:

Xử: 1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Chu Văn O đối với bị đơn là ông Nguyễn Danh H về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng nhà ở.

Tuyên bố huỷ bỏ 02 bản hợp đồng có tiêu đề "hợp đồng kinh tế" do ông Chu Văn O và ông Nguyễn Danh H ký ngày 11/8/2020.

Buộc ông Nguyễn Danh H phải hoàn trả cho ông Chu Văn O số tiền 1.100.000.000 (một tỷ một trăm triệu) đồng.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ 100.000.000 đồng của nguyên đơn đối với bị đơn, được khấu trừ vào số tiền 1.200.000.000 đồng mà ông H đã nhận từ ông O ngày 17/8/2020 bằng hình thức chuyển khoản.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Danh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm :

Ông Nguyễn Danh H kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn và luật sư trình bày: Tại phiên toà hôm nay Nguyên đơn chia sẻ với bị đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền 1.000.000.000 đồng đề nghị Toà án ghi nhận.

Bị đơn trình bày: Bị đơn kháng cáo không đồng ý với phán quyết của Toà án cấp sơ thẩm, bị đơn cho rằng nguyên đơn có lỗi trong việc nguyên đơn không bàn giao đất cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án, đây là nguyên nhân chính dẫn đến việc không thể xin phép xây dựng nên bị đơn không thể thực hiện được thi công công trình theo đúng thoả thuận. Sau khi ký kết Hợp đồng với ông O thì ông H đã tiến hành ký kết hợp đồng thuê thiết kế xây dựng và đã bàn giao cho ông O 2 bản vẽ thiết kế, ông H ký hợp đồng thuê nhân công, mua vật liệu xây dựng, .. và đều đặt cọc theo các Hợp đồng này, đây chính là những thiệt hại xảy ra. Như dẫn chứng ở trên ông O có lỗi chính dẫn đến Hợp đồng thi công không thể thực hiện được, do vậy ông H đề nghị Toà án xác định lỗi của ông O là 400.000.000 đồng, ông H trả ông O số tiền 800.000.000 đồng.

Trong thời gian từ năm 2021 đến nay, ông H phải đi mổ tim, mổ niệu quản và điều trị bệnh mãn tính về tiết niệu, hoàn cảnh kinh tế vô cùng khó khăn nên có Đơn đề nghị hội đồng xét xử miễn giảm một phần án phí.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đơn kháng cáo của ông H trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

Hợp đồng do ông H và ông O ký kết trên cơ sở tự nguyện phù hợp pháp luật nên phát sinh hiệu lực. Tuy nhiên qua phân tích đánh giá các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng việc hai bên không thực hiện được hợp đồng là do không xin được giấy phép xây dựng mà lỗi dẫn đến việc không xin phép xây dựng được là do cả hai bên, tuy nhiên tại phiên toà nguyên đơn đồng ý chia sẻ thiệt hại với bị đơn số tiền 200.000.000 đồng chỉ yêu cầu số tiền 1.000.000.000 đồng, xét thấy sự tự nguyện của bị đơn là phù hợp pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm theo hướng ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng.

Về án phí phúc thẩm : Bị đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

*** Về thủ tục tố tụng:**

Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Danh H trong thời hạn Luật định và hợp lệ.

*** Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền**:

- Ông Chu Văn O khởi kiện ông Nguyễn Danh H phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền do vi phạm Hợp đồng xây dựng, do vậy Toà án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật của vụ án là Tranh chấp Hợp đồng xây dựng theo khoản 3 điều 26 Bộ luật dân sự là có căn cứ.

- Điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: " *Thẩm quyền giải quyết vụ án dân sự của Toà án theo lãnh thổ được xác định như sau: Toà án nơi bị đơn cư trú"*. Ông Nguyễn Danh H là Bị đơn cư trú tại Quận Đống Đa do vậy Tòa án nhân dân Quận Đống Đa thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Về nội dung vụ án**:

+ Về Hợp đồng xây dựng : Ngày 11/8/2020, ông Chu Văn O và ông Nguyễn Danh H đã tiến hành ký kết Hợp đồng kinh tế số 1108/HĐKT có nội dung ông H nhận thi công trọn gói công trình xây nhà mới theo phương thức chìa khoá trao tay, bao gồm các chi phí tiền nhân công, toàn bộ vật liệu xây dựng, các trang thiết bị hoàn thiện, điện, nước theo bản vẽ thiết kế. Tổng giá trị tạm tính của hợp đồng là: 3.600.000.000 đồng.

Điều 138. Luật xây dựng quy định :

1. Hợp đồng xây dựng là hợp đồng dân sự được thỏa thuận bằng văn bản giữa bên giao thầu và bên nhận thầu để thực hiện một phần hay toàn bộ công việc trong hoạt động đầu tư xây dựng.

Điều 139. Luật xây dựng quy định

1. *Hợp đồng xây dựng có hiệu lực khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:*

a) Người ký kết hợp đồng phải có đủ năng lực hành vi dân sự, đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Thấy rằng ông Chu Văn O và ông Nguyễn Danh H ký kết Hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của Hợp đồng phù hợp quy định của khoản 1 điều 138, khoản 1 điều 139 Luật xây dựng nên phát sinh hiệu lực.

Điều 3.1 Hợp đồng kinh tế số 1108/HĐKT quy định: "*Trách nhiệm của Bên A : Cung cấp đầy đủ tài liệu, bản vẽ, giấy phép xây dựng nhà đất, nội dung của công trình đã được duyệt*"

Căn cứ vào quy định nêu trên thấy rằng hai bên thoả thuận ông Chu Văn O phải có trách nhiệm cung cấp và bàn giao cho ông Nguyễn Danh H Giấy phép xây dựng. Tuy nhiên theo kết quả xác minh tại UBND phường Thổ Quan, Uỷ ban nhân dân Quận Đống đa và lời khai của hai bên đương sự thể hiện đến nay ông Chu văn O vẫn chưa được cấp Giấy phép xây dựng, đây là lỗi thuộc về ông Chu Văn O. Như trích dẫn nêu trên do ông Chu văn O chưa đươc cấp Giấy phép xây dựng nên ông Nguyễn Danh H chưa thể thi công công trình theo đúng Hợp đồng mà hai bên đã ký kết. Thấy rằng từ ngày 11/8/2020 hai bên ký kết Hợp đồng đến nay ông Chu văn O chưa đươc cấp Giấy phép xây dựng, do vậy việc ông Chu Văn O khởi kiện yêu cầu chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 1108/HĐKT ngày 11/8/2020 là có căn cứ, nên chấp nhận.

Tuy nhiên khi xem xét chấm dứt Hợp đồng thì cần phải xác định lỗi và trách nhiệm của các bên khi chấm dứt Hợp đồng.

Khoản 1 điều 95 Luật xây dựng quy định: "*1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới đối với nhà ở riêng lẻ gồm:*

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng;

b) Bản sao một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

c) Bản vẽ thiết kế xây dựng;

d) Đối với công trình xây dựng có công trình liền kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề."

Điều 93. Điều kiện cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ

1. Điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị gồm:

a) Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt;

b) Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh;

Căn cứ Hợp đồng kinh tế số 1108/HĐKT ngày 11/8/2020 thấy rằng không có điều khoản nào thể hiện ông O thuê ông H đi xin phép xây dựng, tuy nhiên tại Giấy biên nhận

ngày 17/8/2020 thể hiện việc ông H có nhận của ông O một số giấy tờ với mục đích để xin phép xây dựng, điều đó thể hiện có việc ông O nhờ ông H đi làm thủ tục xin phép xây dựng. Tuy nhiên căn cứ vào Giấy biên nhận nêu trên không thể hiện rõ quyền và nghĩa vụ của mỗi bên khi tiến hành hoàn tất thủ tục xin phép xây dựng, do vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của pháp luật và các tài liệu có trong hồ sơ để xác định lỗi của các bên trong giao dịch nêu trên. Căn cứ vào Giấy biên nhận nêu trên thể hiện ông O bàn giao giấy tờ tuỳ thân và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông H, mà theo quy định tại khoản 1 điều 95 Luật xây dựng thì Hồ sơ xin phép xây dựng còn các giấy tờ và các thủ tục khác nữa như Bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liền kề, … mà trách nhiệm cung cấp các tài liệu chứng cứ liên quan đến Hồ sơ xin cấp phép xây dựng nêu trên thuộc về ông O.

Uỷ ban nhân dân Phường Thổ quan cung cấp thông tin (Bút lục số 227) : "*Nhà ông Chu Văn O tại địa chỉ 142 Đa la Thành – cũ là 98 Thổ Quan, phường thổ Quan , Quận Đống Đa thuộc diện bị cắt xén để thực hiện Dự án . Phần đất bị thu hồi ông O vẫn chưa bàn giao*", thấy rằng đến thời điểm hiện nay gia đình ông O vẫn chưa bàn giao diện tích đất bị thu hồi cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện dự án. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phần diện tích đất còn lại để xây dựng của gia đình ông O liền kề với phần diện tích đất bị thu hồi để thực hiện Dự án thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội, do vậy phần diện tích được phép xây dựng và phần diện tích đất bị thu hồi chưa có ranh giới cụ thể, phần đất bị thu hồi chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quản lý để thực hiện dự án, do vậy việc đánh giá và cam kết bảo đảm an toàn cho công trình được cấp phép xây dựng và việc cam kết đảm bảo an toàn cho công trình thuộc Dự án thoát nước nhằm cải tạo môi trường Hà Nội chưa thể thực hiện được, vì vậy việc ông O xin phép xây dựng thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện theo quy định tại điểm a, b khoản 1 điều 93 Luật xây dựng. Như phân tích ở trên ông O là chủ sử dụng đất phải có trách nhiệm và nghĩa vụ phải cung cấp đầy đủ toàn bộ các tài liệu liên quan đến việc xây dựng Hồ sơ xin phép xây dựng cho ông H để ông H đi nộp ở cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, do vậy việc ông O cho rằng lỗi dẫn đến việc không có Giấy phép xây dựng hoàn toàn thuộc về ông H là không có căn cứ để chấp nhận.

Điều 3.2 Hợp đồng kinh tế số 1108/HĐKT quy định: "*Trách nhiệm của Bên B : Chịu trách nhiệm thi công đảm bảo đúng mật độ trong bản vẽ và giấy phép xây dựng. Bàn giao mặt bằng và bàn giao và cung cấp điện ba pha nước sử dụng cho công trình*".

Căn cứ vào lời khai của hai bên đương sự thể hiện việc ông O chưa bàn giao mặt bằng cho ông H để ông H tiến hành xây dựng, do vậy lỗi dẫn đến chấm dứt hợp đồng ở đây 1 phần thuộc về ông O.

Tại cấp sơ thẩm ông H nộp cho Toà án các Hợp đồng và các chứng từ liên quan đến việc sau khi ký kết Hợp đồng xây dựng với ông O thì ông H đã ký hợp đồng với một số các đơn vị có liên quan để triển khai thực hiện việc thi công công trình. Xét thấy việc ông H ký Hợp đồng với một số đơn vị để chuẩn bị và từng bước triển khai thực hiện thi công công trình theo Hợp đồng là có.

Căn cứ vào lời thừa nhận của nguyên đơn, lời khai của hai bên đương sự thể hiện (Bút lục 104) ông H đã bàn giao cho ông O 02 bản vẽ thiết kế xây dựng nhà Công ty cổ phần kiến trúc xây dựng nội thất Đại Việt lập để làm thủ tục xin phép xây dựng. Như vậy chi phí để thiết kế xây dựng là có thật cần phải ghi nhận.

Ngoài ra ông H cung cấp cho Toà án một số Hợp đồng khác như Hợp đồng phá dỡ, Hợp đồng mua vật liệu xây dựng, Hợp đồng mua và ép cọc bê tông, Hợp đồng thuê nhân công, thấy rằng các Hợp đồng này là có thật, và việc ông H ký kết các Hợp đồng nêu trên để tiến hành triển khai các công việc thi công xây dựng là phù hợp với Điều 3.2 Hợp đồng kinh tế số 1108/HĐKT ngày 11/8/2020.

Điều 3.2 Hợp đồng kinh tế số 1108/HĐKT ngày 11/8/2020 quy định: " *Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản thể hiện trong hợp đồng, nếu bên nào vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho bên còn lại thì phải chịu bồi thường thiệt hại cho bên bị thiệt hại*"

Như phân tích ở trên ông O có lỗi trong việc không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng cứ để ông H đi xin phép xây dựng, ông O không bàn giao mặt bằng cho ông H thi công dẫn đến Hai bên không thể thực hiện được Hợp đồng kinh tế số 1108/HĐKT ngày 11/8/2020, do vậy xác định ông O và ông H cùng có lỗi dẫn đến chấm dứt hợp đồng, do vậy ông O phải chịu 1 phần trách nhiệm bồi thường cho ông H đối với những thiệt hại thực tế xảy ra .

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ thấy rằng sau khi ký kết hợp đồng ông H có triển khai một số công việc, do vậy việc phải chi phí và chi phí tạm ứng khi ký kết hợp đồng là có, căn cứ vào các tài liệu nêu trên thấy rằng ông O phải chịu 1 phần lỗi khi Hợp đồng chấm dứt.

Tại phiên toà hôm nay ông O có quan điểm chia sẻ với ông H về những chi phí nêu trên với số tiền là 200.000.000 đồng, xét thấy đây là sự tự nguyện của ông O và phù

hợp 1 phần với nhận định của Hội đồng xét xử, tuy nhiên qua xem xét đánh giá mức độ lỗi của hai bên thấy rằng ông O phải chịu 1/4 lỗi tương đương số tiền 300.000.000 đồng trên tổng số tiền 1.200.000.000 đồng, do vậy không chấp nhận kháng cáo của ông H về việc xác định lỗi của ông O là 1/3 tương đương 400.000.000 đồng.

Như phân tích ở trên Hội đồng xét xử xác định mức độ lỗi của hai bên khi chấm dứt Hợp đồng, do vậy căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông H sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông H phải trả cho ông O số tiền 900.000.000 đồng.

- Về án phí: Ông Chu Văn O được miễn án phí. Ông H có đơn xin miễn giảm án phí phù hợp với khoản 1 điều 13 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án nên giảm cho ông H 1 phần án phí.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phù hợp 1 phần với pháp luật.

Từ những nhận định trên!

Căn cứ khoản 1 điều 138, khoản 1 điều 139, Khoản 1 điều 93, khoản 1 điều 95 Luật xây dựng.

Căn cứ điều 147, điều 148, khoản 2 điều 308, điều 313, 349 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 điều 13, điều 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm,thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử: Chấp nhận 1 phần kháng cáo của ông Nguyễn Danh H.

Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 163/2023/DS – ST ngày 07/09/2023 của Toà án nhân dân Quận Đống Đa và quyết định như sau:

1. Chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của ông Chu Văn O đối với ông Nguyễn Danh H về việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng nhà ở.

Chấm dứt Hợp đồng kinh tế số 1108/HĐKT ngày 11/8/2020 do ông Chu Văn O và ông Nguyễn Danh H ký kết. Buộc ông Nguyễn Danh H phải hoàn trả cho ông Chu Văn O số tiền 900.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Danh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 20.300.000 đồng được trừ vào số tiền 300.000 đồng nộp tại biên lai số 2665 ngày 26/9/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Đống Đa, còn phải nộp 20.000.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày 21/08/2024.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Nơi nhận:
- Tòa án ND Quận Đống Đa
- Chi cục THADS Quận Đống Đa
- Viên kiểm sát ND TP Hà Nội;
- Đương sự. Lưu.